TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 07-02-2023.
"V/v tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Phan Thị Nhã Quyên**;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Phước Tâm**;

2. Bà **Võ Thị Điệp**;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 07 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 450/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 568/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Tổ 19B, ấp C, xã Đ, huyện U, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: **Nguyễn Thị Kim D**, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh L có đơn xin xét xử vắng mặt, chị D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/5/2022, nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

- Về hôn nhân: Anh L và chị D chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện U, tỉnh Bình Dương ngày 16/5/2016. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc. Nhưng thời gian về sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, chung sống không còn

hòa hợp. Vợ chồng không còn quan tâm nhau, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng. Anh L và chị D đã không còn sống chung với nhau. Nay, anh L nhận thấy tình cảm hai bên không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, hôn nhân không có hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim D.

- Về con chung: Anh L và chị D có 01 con chung tên Nguyễn Phát Đ, sinh ngày 17/12/2018, hiện đang sống chung với anh L. Khi ly hôn, anh L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Kim D: Đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa. Đồng thời, chị D cũng không có văn bản ghi ý kiến gửi nộp Tòa án, cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện và các tài liệu của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ như sau:

- 01 căn cước công dân tên Nguyễn Văn L (Bản photo).

- 01 Giấy chứng nhận kết hôn Nguyễn Thị Kim D – Nguyễn Văn L, ngày đăng ký 16/5/2016 do UBND xã Đ, huyện U, tỉnh Bình Dương cấp (Bản photo chứng thực).

- 01 Giấy khai sinh tên Nguyễn Phát Đ, sinh ngày 17/12/2018 (Bản photo chứng thực).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Anh Nguyễn Văn L có đơn yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim D. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án là *"Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con"*.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, xét thấy: Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim D có địa chỉ tại huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

[3] Chị Nguyễn Thị Kim D đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Anh Nguyễn Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L, chị D.

Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện U, tỉnh Bình Dương ngày 16/5/2016 nên xác định đây là hôn nhân là hợp pháp. Anh L yêu cầu ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng với nhau về quan điểm sống. Anh L và chị D không còn chung sống với nhau, chị D cũng không có hành động hay đưa ra biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, không thuyết phục được anh L tiếp tục sống chung để xây dựng hạnh phúc gia đình.

Đối với bị đơn là chị D đã được được tống đạt thông báo thụ lý vụ án và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa anh L và chị D đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn L.

[5] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Phát Đ, sinh ngày 17/12/2018. Hiện nay con chung đang sống với anh L. Khi ly hôn, anh L yêu cầu được nuôi con chung. Do chị D vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày. Bên cạnh đó, xét từ khi anh L, chị D sống xa nhau đến nay, anh L là người trực tiếp nuôi con chung; Chị D không về chăm sóc con chung cũng như không chu cấp chi phí để nuôi con. Do đó, để bảo đảm sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của cháu Phát Đ cần tiếp tục giao cháu Phát Đ cho anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con do anh L không có yêu cầu.

Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

[6] Về tài sản chung: Anh L trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết; chị D không có ý kiến về tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Anh L trình bày vợ chồng không có nợ chung, chị D không có ý kiến về nợ, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Anh Nguyễn Văn L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn L.

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim D.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn L được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Phát Đ, sinh ngày 17/12/2018. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con do anh L không có yêu cầu.

Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh L, chị D không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010005 ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi

hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Như vậy anh Nguyễn Văn L đã nộp xong tiền án phí.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cao Lãnh;
- Toà án Tỉnh;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Nhã Quyên